TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/DS-ST
Ngày: 12/8/2025
V/v Kiện đòi tài sản, tranh chấp hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Ông Thái Kiến Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc: "Kiện đòi tài sản, tranh chấp hợp đồng ủy quyền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2025/QĐST–DS ngày 25 tháng 6 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐHPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị P, sinh năm 1963. Địa chỉ: 1 đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Xuân H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn*: Ông Trần Sơn P1, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A đường H, tổ D, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đặng Huỳnh L, sinh năm 1980; địa chỉ: G L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố L, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Văn phòng C mới; địa chỉ: Ô, B, Lô G, khu phố T, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị P do ông Hồ Xuân H trình bày:

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2014, bà P được Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU791376 (Số vào sổ cấp GCN: CH03816; Diện tích: 177m^2 (Trong đó có 152m^2 ODT và 25m^2 CLN), thuộc thửa đất số: 245; Tờ bản đồ số: 13; tọa lạc tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua người quen giới thiệu, bà P được biết ông Trần Sơn P1 chuyên đi làm dịch vụ thủ tục trả nợ thuế, nên bà P nhờ ông P1 giúp. Bà P cùng ông P1 đến Văn phòng Công chứng Thành Phố C, tỉnh Bình Dương, để lập Hợp đồng ủy quyền cho ông Trần Phong S thay mặt bà P đi làm các thủ tục trả nợ thuế. Văn phòng công chứng Thành Phố C đã tiến hành công chứng hợp đồng uỷ quyền số: 013140 quyển số: 06 - 2022 ngày 27/6/2022.

Sau khi ủy quyền bà P đã giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU791376 (Số vào sổ cấp GCN: CH03816 cho ông S thay bà P lập các thủ tục trả nợ tiền sử dụng đất cho bà P với diện tích 30m^2 (Ghi nợ ngày 21/8/2012) và 20m^2 (Ghi nợ ngày 09/11/2012), 50m^2 (Ghi nợ ngày 01/4/2013) theo GCN số CH02436 cấp ngày 20/8/2012, nợ tiền sử dụng đất với diện tích 52m^2 với số tiền 93.080.000 đồng (Chín mươi ba triệu không trăm tám mươi ngàn đồng chẵn) theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 06580/HA/10/2014/TBTK ngày 17/10/2014 của Chi cục thuế T1. Hợp đồng ủy quyền số: 013140 quyển số: 06 - 2022 ngày 27/6/2022 ông P1 giữ 02 (Hai) bản chính, ông P1 không cho bà P giữ bản nào. Ngoài ra bà P không ủy quyền cho ông P1 lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xác nhận tình trạng bất động sản, ký hợp đồng đặt cọc..!

Tháng 6/2023 bà P tiếp tục đến nhà ông P1 để xin trả tiền nợ thuế của bà P với số tiền là 93.080.000 đồng (Chín mươi ba triệu không trăm tám mươi ngàn đồng chẵn) và trả tiền công cho ông P1 và xin nhận lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU791376 (Số vào sổ cấp GCN: CH03816; diện tích: 177m^2 (Trong đó có 152m^2 ODT và 25m^2 CLN), thuộc thửa đất số: 245; tờ bản đồ số: 13 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà P ngày 30/10/2014; tọa lạc tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nhưng ông P1 nói với bà P là làm thủ tục trả nợ thuế chưa xong.

Ngày 29/9/2023 bà P đến tại Văn phòng Công chứng Thành Phố C, tỉnh Bình Dương để xin bản sao "Hợp đồng ủy quyền giữa bà P là Võ Thị P và ông Trần Sơn P1 đã ký số: 013140 quyển số: 06 - 2022 ngày 27/6/2022". Với mục đích để bà P

xem lại nội dung ủy quyền và thời gian ủy quyền cho ông P1, thì bà P mới biết hợp đồng ghi không đúng với ý của bà P, cụ thể là:

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính sẽ lập thủ tục chuyển nhượng (kể cả sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng); nộp các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc ủy quyền và thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ quyền sử dụng đất của bên A nêu trên.

Xác nhận tình trạng bất động sản, điều chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận, đổi giấy chứng nhận (nếu có). Đo đạc xác định lại diện tích sử dụng đất thực tế; xin điều chỉnh, đính chính thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) và thực hiện các quyền: quản lý, sử dụng, cho thuê, thanh lý hợp đồng thuê, chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn. Họp với bên đền bù, nhận tiền đền bù (nếu có), điều chỉnh giấy chứng nhận sau khi nhận đền bù.

- Khi thực hiện việc chuyển nhượng bên B được quyền ký kết hợp đồng đặt cọc (kể cả sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc chấm dứt hợp đồng đặt cọc), nhận tiền cọc, quyết định giá chuyển nhượng, phương thức thanh toán và các điều kiện chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật, nhận tiền chuyển nhượng;

Trong phạm vi ủy quyền, bên B được quyền đại diện bên A đề nghị trích lục (trích đo) thửa đất theo quy định của pháp luật; xác nhận tình trạng bất động sản; đăng ký biến động các thông tin ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có); lập, ký tên, nộp, rút, bổ sung, nhận các giấy tờ, văn bản, hồ sơ và quyết định những vấn đề liên quan đến việc ủy quyền trên.

Bên B được phép ủy quyền lại cho bên thứ ba (kể cả sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng ủy quyền hoặc chấm dứt hợp đồng ủy quyền trước thời hạn) nhưng phạm vi ủy quyền không được vượt quá phạm vi ủy quyền theo hợp đồng này.

Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Hủy Hợp đồng ủy quyền giữa bà P là Võ Thị P và ông Trần Sơn P1 số: 013140 quyển số: 06 - 2022 được Văn phòng C Mới, tỉnh Bình Dương, chứng thực ngày 27/6/2022.

- Buộc ông Trần Sơn P1 trả lại cho bà P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU791376 (Số vào sổ cấp GCN: CH03816; diện tích: 177m^2 (Trong đó có 152m ODT và 25m^2 CLN), thuộc thửa đất số: 245; tờ bản đồ số: 13 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà P ngày 30/10/2014; tọa lạc tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và các giấy tờ liên quan đến việc trả nợ thuế sử dụng đất.

Bà P có đơn yêu cầu bổ sung như sau:

- Hủy Hợp đồng ủy quyền giữa bà Võ Thị P và ông Trần Sơn P1 số: 013140 quyển số: 06 - 2022 được Văn phòng C Mới, tỉnh Bình Dương, địa chỉ: Ô, B Lô G,

khu phố T, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 27/6/2022.

- Hủy Hợp đồng ủy quyền giữa bà Võ Thị P và ông Trần Sơn P1 với bà Nguyễn Thị Diễm T số: 013532; Quyển số: 07 - 2022/TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng Công chứng Thành Phố C, tỉnh Bình Dương, địa chỉ: Ô, 22, Lô G, khu phố T, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 01/07/2022.

- Buộc ông Trần Sơn P1 và bà Nguyễn Thị Diễm T liên đới phải trả lại cho bà P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU791376 (Số vào số cấp GCN: CH03816; Diện tích: 177m (Trong đó có 152m^2 ODT và 25m CLN), thuộc thửa đất số: 245; Tờ bản đồ số: 13 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà P ngày 30/10/2014; và các giấy tờ liên quan đên việc trả nợ thuế sử dụng đất là thông báo nộp thuế số 06580/HA/10/2014/TPTK ngày 17/10/2014 của chi Cục thuế T1.

Theo biên bản hòa giải ngày 05/6/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Sơn P1 trình bày:

Ông P1 không quen biết bà P, ông L là người ông P1 quen, ông L có nhờ ông P1 đứng hợp đồng ủy quyền toàn quyền do giấy chứng nhận nợ tiền sử dụng đất nên ông L nhờ ông P1 đứng quyền để ông P1 làm dịch vụ thủ tục trả nợ thổ cư của bà P, ông L nói với ông P1 như vậy nhưng ông Lưu K đưa hồ sơ và tiền để ông P1 làm, ông L là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P. Giữa ông P1 và ông L, bà P thì không có giao nhận tiền với nhau. Ông P1 có nghe nói là giữa ông L và bà P có vay mượn tiền với nhau, vay mượn bao nhiêu thì ông P1 không biết.

Sau đó, ông L nói với ông P1 là ủy quyền lại cho bà T làm thủ tục trả nợ thổ cư nên ông P1 ủy quyền lại cho bà T để bà T làm thủ tục trả nợ thổ cư, ông Lưu G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P và có đưa giấy chứng nhận quyền sư dụng đất cho bà P hay không thì ông P1 không biết. Khi ký hợp đồng ủy quyền ở phòng công chứng ông P1 mới biết bà T. Giữa ông P1 và bà T không có giao nhận tiền với nhau.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà P thì ông P1 đồng ý hủy hai hợp đồng ủy quyền trên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông báo nộp thuế do ai giữ thì ông P1 không biết.

Quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngày 12/3/2025 ông Đặng Huỳnh L trình bày:

Bà P vay tiền của ông L, ông L nhờ ông P1 đứng ra ký hợp đồng ủy quyền thay cho mình, số tiền vay bao nhiêu thì ông Lưu K nói, bà P là người biết rõ nhất, ông P1 ký hợp đồng ủy quyền với bà Diễm T thì ông L có biết. Ông Lưu K có dẫn ông P1 đi ủy quyền cho bà T, giữa bà T và ông L quen biết, ông L và bà T không

có vay mượn tiền với nhau và cũng không có mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất tranh chấp với nhau. Ông L cũng không giao nhận tiền gì với ông P1.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà P thì ông Lưu K đồng ý vì bà P vay tiền của ông L. Bà P đồng ý trả tiền cho ông L thì ông L mới đồng ý huỷ hợp đồng uỷ quyền. Ông L sẽ làm đơn yêu câu độc lập để khởi kiện bà P. Ngoài ra ông Lưu K còn yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngày 23/5/2025 bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên, đối với yêu cầu khởi kiện của bà P bà T hoàn toàn đồng ý.

Bà T không có giao nhận tiền gì của ông P1 và bà P, bà T không có tranh chấp, bà T không có liên quan với ông P1 và bà P. Bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thửa đất tranh chấp nằm ở phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), bị đơn ông Trần Sơn P1; địa chỉ: Số A đường H, tổ D, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Võ Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết Hủy hợp đồng uỷ quyền, đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông báo nộp thuế. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng uỷ quyền, đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L đã triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt. Bà T, Văn phòng Công chứng Thành phố C có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

Bà Võ Thị P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU791376 (Số vào sổ cấp GCN: CH03816; diện tích: 177m^2 (Trong đó có 152m^2 ODT và 25m^2 CLN), thuộc thửa đất số: 245; tờ bản đồ số: 13 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà P ngày 30/10/2014; tọa lạc tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Ngày 27/6/2022, bà Võ Thị P và ông Trần Sơn P1 ký Hợp đồng ủy quyền số: 013140 quyển số: 06 - 2022 được Văn phòng C Mới, tỉnh Bình Dương, chứng thực ngày 27/6/2022.

Ngày 01/7/2022, bà Võ Thị P và ông Trần Sơn P1 với bà Nguyễn Thị Diễm T ký Hợp đồng ủy quyền số: 013532; Quyển số: 07 - 2022/TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng C Mới, tỉnh Bình Dương, chứng thực ngày 01/07/2022.

Bà Võ Thị P yêu cầu huỷ hai hợp đồng uỷ quyền trên, bà P cho rằng bà chỉ uỷ quyền ông P1 làm thủ tục nộp thuế thổ cư, không uỷ quyền chuyển nhượng. Ông P1 cho rằng ông L có nhờ ông P1 đứng hợp đồng ủy quyền toàn quyền do giấy chứng nhận nợ tiền sử dụng đất nên ông L nhờ ông P1 đứng quyền để ông P1 làm dịch vụ thủ tục trả nợ thổ cư của bà P. Ông P1 đồng ý huỷ hai hợp đồng uỷ quyền trên. Bà T đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P, đồng ý huỷ Hợp đồng ủy quyền số: 013532; Quyển số: 07 - 2022/TP/CC-SCC/HĐGD. Khi ký kết 02 hợp đồng uỷ quyền trên các bên không có giao nhận tiền với nhau, không có yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị P, huỷ hai hợp đồng uỷ quyền trên.

Bà P xin rút lại yêu cầu đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thông báo nộp thuế, vì bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết với yêu cầu này.

Ông L cho rằng bà P có vay tiền của ông, ông sẽ khởi kiện yêu cầu độc lập để yêu cầu bà trả tiền nhưng ông Lưu K nộp đơn yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Trần Sơn P1, bà Nguyễn Thị Diễm T phải chịu mỗi người số tiền 300.000 đồng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 122, 131, 562, 564, 565, 566, 567, 568, 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P đối với ông Trần Sơn P1 về việc tranh chấp hợp đồng uỷ quyền.

- Hủy Hợp đồng ủy quyền giữa bà Võ Thị P và ông Trần Sơn P1 số: 013140 quyển số: 06 - 2022 được Văn phòng C Mới, tỉnh Bình Dương, chứng thực ngày 27/6/2022.

- Hủy Hợp đồng ủy quyền giữa bà Võ Thị P do ông Trần Sơn P1 đại diện với bà Nguyễn Thị Diễm T số: 013532; Quyển số: 07 - 2022/TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng C Mới, tỉnh Bình Dương, chứng thực ngày 01/07/2022.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Võ Thị P về việc đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thông báo nộp thuế.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Sơn P1, bà Nguyễn Thị Diễm T mỗi người phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15-TPHCM;
- THADS Tp Hồ Chí Minh (THADS khu vực 15);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm